

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/DS-ST
Ngày: 15-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng;

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB);

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q1 và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng H, số C, L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc M1 chi nhánh T4.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Nguyễn Văn P - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng thu hồi nợ. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Hoài N - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Khắc H - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ. (vắng mặt)

+ Ông Trần Quyết T2 - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ. (vắng mặt)

+ Ông Phạm Thành L - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Quang H1 - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng C, tòa nhà MB, số G, V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1962; (vắng mặt)

2.2 Ông Nguyễn Văn Mười H2, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, ấp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Lê Hồng K, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3.2 Bà Huỳnh Thị Bảo T3, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, ấp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoài N trình bày:

Vào năm 2022, Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T5 (gọi tắt: Ngân hàng) có ký kết với bên bị đơn ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng thứ nhất: Hợp đồng cho vay số 44941.22.749.23100823.TD ngày 26/10/2022.

Ngày 26/10/2022, bên vay là ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T5. Số tiền ông H2 và bà M vay là 3.800.000.000đ (ba tỉ, tám trăm triệu đồng); mục đích sử

dụng vốn: Cấp hạn mức bổ sung vốn kinh doanh mua bán trái cây; lãi suất: 9,5%/năm; thời gian vay: 06 tháng; Phương thức trả nợ: Nợ gốc: Vào ngày 28/4/2023; Nợ lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 26/10/2022 đến ngày 25/4/2023, ông H2 và bà M đã trả cho ngân hàng số tiền lãi là 158.038.357 đồng.

Kể từ ngày 25/4/2023, ông H2 và bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận với ngân hàng.

Tính đến hết ngày 15/5/2025, ông H2 và bà M còn thiếu ngân hàng số tiền như sau:

Nợ gốc 3.800.000.000 đồng, nợ lãi 40.706.849 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 1.341.530.138 đồng, nợ lãi chậm trả 8.361.470 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 5.190.598.457 đồng.

Để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay, ngày 26/10/2022 ông Nguyễn Lê Hồng K và bà Huỳnh Thị Bảo T3 đã ký Hợp đồng thế chấp số 56943.22.749.23100823.BĐ với Ngân hàng để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.464,9m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX 294515, sổ vào sổ cấp GCN: CS07381 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/6/2020, cập nhật chuyển nhượng ngày 17/8/2020 và thửa đất số 322, tờ bản đồ số 8, diện tích 97m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 075474, sổ vào sổ cấp GCN: CS03094 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/9/2017, cập nhật chuyển nhượng ngày 17/8/2020.

2. Hợp đồng tín dụng thứ hai: Hợp đồng cho vay số 49045.22.749.23100823.TD ngày 22/11/2022.

Ngày 22/11/2022, bên vay là ông H2 và bà M có ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T5. Số tiền ông H2 và bà M vay là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng mua sắm thiết bị gia đình; lãi suất: 14,3%/năm; thời gian vay: 48 tháng; Phương thức trả nợ: Nợ gốc: trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/12/2022, ngày trả nợ cuối cùng là ngày kết thúc khoản vay; Nợ lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 22/11/2022 đến ngày 25/4/2023, ông H2 và bà M đã trả cho ngân hàng số tiền là

104.086.002 đồng, trong đó tiền vốn là 66.666.664 đồng, tiền lãi là 37.419.338 đồng.

Kể từ ngày 25/4/2023, ông H2 và bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận với ngân hàng.

Tính đến hết ngày 15/5/2025, ông H2 và bà M còn thiếu ngân hàng số tiền như sau:

Nợ gốc 733.333.336 đồng, nợ lãi 168.186.806 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 98.895.847 đồng, nợ lãi chậm trả 20.362.416 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 1.020.778.405 đồng.

Để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay, ngày 22/11/2022 ông H2 và bà M đã ký Hợp đồng thế chấp số 66941.22.749.23100823.BĐ với Ngân hàng để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 4, diện tích 100,2m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CI 925208, số vào sổ cấp GCN: CS02770 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/5/2017.

3. Hợp đồng tín dụng thứ ba: Thẻ tín dụng ngày 26/10/2022.

Ngày 26/10/2022, bà Lê Thị Ngọc M có yêu cầu Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T5 cấp thẻ tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu và tình hình kinh doanh của khách hàng, ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà M theo phụ lục thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/10/2022. Loại thẻ tín dụng visa, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng; cấp thẻ theo điều kiện khách hàng có tài sản đảm bảo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 22/11/2022 đến ngày 25/4/2023 bà M vẫn thực hiện đúng theo hợp đồng, nhưng từ ngày 25/4/2023 bà M không thực hiện thanh toán hợp đồng dẫn đến thẻ tín dụng bị quá hạn.

Tạm tính đến ngày 12/02/2025, bà M còn thiếu ngân hàng số tiền 286.026.806 đồng.

Do trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H2 và bà M đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 44941.22.749.23100823.TD ngày 26/10/2022 tổng cộng là 5.190.598.457 đồng, trong đó: nợ gốc 3.800.000.000 đồng, nợ lãi 40.706.849 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 1.341.530.138 đồng, nợ lãi chậm trả 8.361.470 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 16/5/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

- Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 49045.22.749.23100823.TD ngày 22/11/2022 tổng cộng là 1.020.778.405 đồng, trong đó: nợ gốc 733.333.336 đồng, nợ lãi 168.186.806 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 98.895.847 đồng, nợ lãi chậm trả 20.362.416 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 16/5/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

- Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 12/02/2025 của Thẻ tín dụng ngày 26/10/2022 tổng cộng là 286.026.806 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của thẻ tín dụng trên từ ngày 13/02/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông H2, bà M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để phát mãi các thửa đất thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.464,9m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX 294515, số vào sổ cấp GCN: CS07381 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/6/2020, cập nhật chuyển nhượng ngày 17/8/2020 và thửa đất số 322, tờ bản đồ số 8, diện tích 97m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL 075474, số vào sổ cấp GCN: CS03094 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/9/2017, cập nhật chuyển nhượng ngày 17/8/2020.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 4, diện tích 100,2m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số: CI 925208, số vào sổ cấp GCN: CS02770 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/5/2017.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông H2, bà M đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H2, bà M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 12/02/2025 của Thẻ tín dụng ngày 26/10/2022 tổng cộng là 286.026.806 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của thẻ tín dụng trên từ ngày 13/02/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Mười H2 có nộp đơn xin vắng mặt đề ngày 14/12/2024 có nội dung:

Vào khoảng năm 2022, con trai ông là Nguyễn Lê Hồng K và con dâu là Huỳnh Thị Bảo T3 có kinh doanh dịch vụ du lịch Bến Tre X nên ông K và bà T3 có xin vay tiền Ngân hàng M2 để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và được nhân viên ngân hàng hướng dẫn làm hồ sơ cho vay nhưng do ông đứng vay tiền, còn con ông thì bảo lãnh, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ vay được duyệt, ông vay tiền hộ cho con làm ăn nhưng không may do ảnh hưởng tình hình kinh tế khó khăn do hậu Covid-19 nên dẫn đến làm ăn thua lỗ không còn khả năng chi trả mọi thứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Ngọc M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lê Hồng K và bà Huỳnh Thị Bảo T3 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q, cụ thể:

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 12/02/2025 của Thẻ tín dụng ngày 26/10/2022 tổng cộng là 286.026.806 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của thẻ tín dụng trên từ ngày 13/02/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 44941.22.749.23100823.TD ngày 26/10/2022 tổng cộng là 5.190.598.457 đồng, trong đó: nợ gốc 3.800.000.000 đồng, nợ lãi 40.706.849 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 1.341.530.138 đồng, nợ lãi chậm trả 8.361.470 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 16/5/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 49045.22.749.23100823.TD ngày 22/11/2022 tổng cộng là 1.020.778.405 đồng, trong đó: nợ gốc 733.333.336 đồng, nợ lãi 168.186.806 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 98.895.847 đồng, nợ lãi chậm trả 20.362.416 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 16/5/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông H2, bà M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Bị đơn ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lê Hồng K và bà Huỳnh Thị Bảo T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông H2, bà M, ông K, bà T3 không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa ông H2, bà M, ông K, bà T3 vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H2, bà M, ông K, bà T3 là phù hợp.

[3.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 12/02/2025 của Thẻ tín dụng ngày 26/10/2022 với tổng cộng số tiền là 286.026.806 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của thẻ tín dụng trên từ ngày 13/02/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Hợp đồng vay thứ nhất: Vào ngày 26/10/2022 Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T5 với ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có ký Hợp đồng cho vay số 44941.22.749.23100823.TD; văn bản nhận nợ ngày 28/10/2022 giữa Ngân hàng với ông H2, bà M có nội dung thể hiện ông H2, bà M có vay của Ngân hàng số tiền 3.800.000.000 đồng; phương thức giải ngân: chuyển khoản cho bên thụ hưởng là bên thứ ba. Hợp đồng giữa hai bên ký kết thỏa thuận thời gian vay: 06 tháng; phương thức trả nợ: Nợ gốc: Vào ngày 28/4/2023 (ngày kết thúc khoản vay); Nợ lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Ông H2 và bà M đã trả cho ngân hàng số tiền lãi là 158.038.357 đồng.

Hợp đồng vay thứ hai: Vào ngày 22/11/2022 Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T5 với ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có ký Hợp đồng cho vay số 49045.22.749.23100823.TD; văn bản nhận nợ ngày 26/11/2022 giữa Ngân hàng với ông H2, bà M có nội dung thể hiện ông H2, bà M có vay của

Ngân hàng số tiền 800.000.000 đồng; phương thức giải ngân: tiền mặt. Hợp đồng giữa hai bên ký kết thỏa thuận: Thời gian vay: 48 tháng; Phương thức trả nợ: Nợ gốc: trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/12/2022, ngày trả nợ cuối cùng là ngày kết thúc khoản vay; Nợ lãi trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Ông H2 và bà M đã trả cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 104.086.002 đồng, trong đó tiền vốn là 66.666.664 đồng, tiền lãi là 37.419.338 đồng.

Xét Hợp đồng cho vay số 44941.22.749.23100823.TD; văn bản nhận nợ ngày 28/10/2022 và Hợp đồng cho vay số 49045.22.749.23100823.TD; văn bản nhận nợ ngày 26/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T5 với ông H2 và bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên đã lập hợp đồng vay về hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền và nghĩa vụ đối với hai bên. Khi ký hợp đồng vay thì giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất, tiền lãi chậm trả, các loại phí phạt theo quy định của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H2 và bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu ông H2 và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 44941.22.749.23100823.TD ngày 26/10/2022 tổng cộng là 5.190.598.457 đồng, trong đó: nợ gốc 3.800.000.000 đồng, nợ lãi 40.706.849 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 1.341.530.138 đồng, nợ lãi chậm trả 8.361.470 đồng; trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 49045.22.749.23100823.TD ngày 22/11/2022 tổng cộng là 1.020.778.405 đồng, trong đó: nợ gốc 733.333.336 đồng, nợ lãi 168.186.806 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 98.895.847 đồng, nợ lãi chậm trả 20.362.416 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của các Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 16/5/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.2] Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ngày 26/10/2022 ông Nguyễn Lê Hồng K và bà Huỳnh Thị Bảo T3 đã ký Hợp đồng thế chấp số

56943.22.749.23100823.BĐ với Ngân hàng để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.464,9m² và thửa đất số 322, tờ bản đồ số 8, diện tích 97m², cùng tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và ngày 22/11/2022 ông H2 và bà M đã ký Hợp đồng thế chấp số 66941.22.749.23100823.BĐ với Ngân hàng để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 4, diện tích 100,2m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Xét các Hợp đồng thế chấp trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bến Tre và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B. Như vậy, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với các điều 119, 298, 299, 319 và Điều 320 của Bộ luật Dân sự nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thực hiện.

Do trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H2, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng. Vì vậy để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay, ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm các thửa 913, 322, cùng tờ bản đồ số 8; thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 4; cùng tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.211.000 đồng (112.000.000 đồng + 0,1% x 2.211.376.862 đồng).

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu. Nguyên đơn đã nộp xong nên buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 157, 207, 208, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 119, 295, 298, 299, 301, 303, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 12/02/2025 của Thẻ tín dụng ngày 26/10/2022 tổng cộng số tiền là 286.026.806 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của thẻ tín dụng trên từ ngày 13/02/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 44941.22.749.23100823.TD ngày 26/10/2022 tổng cộng là 5.190.598.457đ (năm tỉ, một trăm chín mươi triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 3.800.000.000đ (ba tỉ, tám trăm triệu đồng), nợ lãi là 40.706.849đ (bốn mươi triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi trên gốc quá hạn là 1.341.530.138đ (một tỉ, ba trăm bốn mươi một triệu, năm trăm ba mươi nghìn, một trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi chậm trả là 8.361.470đ (tám triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 16/5/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến hết ngày 15/5/2025 của Hợp đồng cho vay số 49045.22.749.23100823.TD ngày 22/11/2022 tổng cộng là 1.020.778.405đ (một tỉ, không trăm hai mươi triệu, bảy

trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm lẻ năm đồng), trong đó: nợ gốc là 733.333.336đ (bảy trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng), nợ lãi là 168.186.806đ (một trăm sáu mươi tám triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng), nợ lãi trên gốc quá hạn là 98.895.847đ (chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng), nợ lãi chậm trả là 20.362.416đ (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm mười sáu đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 16/5/2025 đến khi ông H2, bà M trả tất toán nợ cho Ngân hàng.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo:

Hợp đồng thế chấp số 56943.22.749.23100823.BĐ ngày 26/10/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông Nguyễn Lê Hồng K và bà Huỳnh Thị Bảo T3, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 913, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.464,9m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và thửa đất số 322, tờ bản đồ số 8, diện tích 97m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Hợp đồng thế chấp số 66941.22.749.23100823.BĐ ngày 22/11/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 4, diện tích 100,2m², tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Mười H2 và bà Lê Thị Ngọc M phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.211.000đ (một trăm mười bốn triệu, hai trăm mười một nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 56.821.000đ (năm mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005305

ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My